

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HS-ST

Ngày: 30 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 198/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trung N, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số D, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Nguyễn Ngọc K; Có vợ và 01 (một) con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thị Thu T, sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số T, Phường Y, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số U, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần K và bà Nguyễn Thị Thu H; Có chồng và 01 (một) con, sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2020 đến ngày 21/9/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Trung N và Trần Thị Thu T là vợ chồng. Bị cáo N đã từng sử dụng ma túy chung với bạn bè và bị cáo T đã từng có 01 lần sử dụng chung ma túy với bạn bè. Loại ma túy các bị cáo sử dụng là ma túy “đá”. Hai bị cáo thuê trọ tại phòng A1 - nhà số U, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh mới chuyển sang thuê phòng A2 được vài ngày.

Vào khoảng 02 giờ 50 phút ngày 28/8/2020, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 7 kiểm tra phòng 401 của bị cáo T, N, phát hiện và thu giữ trong máy giặt 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu (các bị cáo khai là ma túy đá) được đựng trong hộp sắt - có khối lượng 0,9757g, 01 (một) cân điện tử, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; thu giữ ngoài phòng ở phía hồ cá kiếng 01 (một) gói nylon chứa chất không màu (bị cáo N khai là ma túy khay), có khối lượng 17,1582g và 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu ở ban công (bị cáo N và T khai không biết ma túy đá), có khối lượng 0,4652g.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ thì các bị cáo khai như sau:

- Đối với 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu trong hộp sắt là ma túy đá, cùng với bộ dụng cụ sử dụng ma túy, là do Thái Bảo (bạn - không rõ lai lịch và ở nhờ phòng trọ của N và T,) đem về phòng trọ, để trên bàn trong phòng khách từ hôm trước, sáng ngày 27/8/2020 Thái Bảo đi ra ngoài trong lúc hai bị cáo đang ngủ. Khoảng 11 giờ ngày 27/8/2020 (sau khi ngủ dậy), N và T thấy gói ma túy này và có lấy sử dụng nhưng chưa hết. Sau khi sử dụng xong, N đem cất trong hộp sắt, bỏ lên trên mặt máy giặt và khi công an kiểm tra thì bị cáo T đem hộp sắt có ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy bỏ vào trong máy giặt để cất giấu.

- Đối với 01 (một) gói ma túy thu giữ ở phía hồ cá kiếng: Bị cáo T khai gói nylon này do N mang về nhà nói để tẩy rửa hồ cá, T không biết gói này là ma túy; Bị cáo N khai gói ma túy này bị cáo có được do một lần đi sinh nhật bạn ở tại quán Bar 030, đường Võ Văn Tần, Quận 3, bị cáo gặp và được Tuấn Anh (bạn ngoài xã hội của N, không rõ lai lịch) cho gói ma túy để sử dụng, do bị cáo không sử dụng nên mang về nhà cất giấu ở hồ cá.

- Đối với 01 (một) gói ma túy ở ngoài ban công phòng 401, N khai không rõ do ai mang đến nhà hoặc có thể do người thuê trọ cũ để lại, N khai nhận chịu trách nhiệm về gói ma túy này. Bị cáo Trần Thị Thu T khai không biết gói này là ma túy, khi quét dọn nhà nhìn thấy và nhặt bỏ ngoài ban công.

Vật chứng vụ án:

+ 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu, thu giữ trong máy giặt. Theo kết luận giám định số 1516/KLGĐ-H ngày 04/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,9757g loại Methamphetamine.

+ 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu, thu giữ ở phía hồ cá. Theo kết luận giám định số 1516/KLGD-H ngày 04/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 17,1582g loại Ketamine.

+ 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu, thu giữ ở ban công. Theo kết luận giám định số 1516/KLGD-H ngày 04/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4652g, loại Methamphetamine, Ketamine. Theo Công văn số 1156/PC09-Đ4 ngày 03/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì để xác định được khối lượng của từng loại ma túy trong gói này thì phải thực hiện giám định hàm lượng các chất ma túy nhưng theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 thì mẫu này không thuộc trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng – Do đó không thực hiện theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận 7 được.

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng (đồng), thu giữ của bị cáo T.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím, thu giữ của bị cáo N.

+ 01 (một) hộp sắt màu đen.

+ 01 (một) cân điện tử, bị cáo N khai sử dụng để cân thức ăn cho chim ưng.

Bản Cáo trạng số 188/CT-VKSQ7 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Trung N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm n Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Trần Thị Thu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Trung N, Trần Thị Thu T tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Trung N đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,9757g (không phải chín bảy năm bảy gam) loại Methamphetamine; 17,1582g (mười bảy phẩy một năm tám hai gam) loại Ketamine, 0,4652g (không phải bốn sáu năm hai gam) loại Methamphetamine, Ketamine để sử dụng và bị cáo Trần Thị Thu T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,9757g (không phải chín bảy năm bảy gam) loại Methamphetamine để sử dụng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn

Trung N, bị cáo Trần Thị Thu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm n Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy các gói ma túy còn lại sau giám định, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) hộp sắt màu đen, 01 (một) cân điện tử; Hoàn trả cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng (đồng) và bị cáo N 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím;

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Trung N: Trong thời gian tạm giam, bị cáo biết hành vi phạm tội là trái quy định của pháp luật, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi, bị cáo xin cho vợ bị cáo có mức án nhẹ vì đang mang thai và còn phải nuôi con nhỏ của hai bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Thu T: Bị cáo có lỗi khi thấy chồng sử dụng ma túy, không can mà lại cùng sử dụng, bị cáo ăn năn hối cải, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho chồng bị cáo mức án nhẹ để sớm về đoàn tụ gia đình, làm lại cuộc đời, lo cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Trung N đã có hành vi tàng trữ chất ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,9757g (không phải chín bảy năm bảy gam) loại Methamphetamine; 17,1582g (mười bảy phẩy một năm tám hai gam) loại Ketamine, 0,4652g (không phải bốn sáu năm hai gam) loại Methamphetamine, Ketamine để sử dụng trái phép. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Trung N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo Trần Thị Thu T đã có hành vi tàng trữ chất ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,9757g (không phải chín bảy năm bảy gam) loại Methamphetamine để sử dụng trái phép. Hành vi này của bị cáo Trần Thị Thu T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo T hiện đang mang thai. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Các bị cáo có nhân thân chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói ma túy còn lại sau giám định: Đây là chất ma túy bị cáo N, T tàng trữ trái phép để sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) hộp sắt màu đen, 01 (một) cân điện tử: Đây là các dụng cụ các bị cáo dùng sử dụng ma túy, cất giữ ma túy và dùng để làm việc (bị cáo N không yêu cầu nhận lại chiếc cân), không còn giá trị để sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng thu giữ của bị cáo T, 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím thu giữ của bị cáo N: Không chứng minh liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo;

[8] Đối với Tuấn Anh, Thái Bảo (Không rõ nhân thân lai lịch) – là người cho và để ma túy cho bị cáo N, T sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm n Khoản 2 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn

Trung N 06 (Sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2020;

Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2020 đến ngày 21/9/2020;

Căn cứ Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói ma túy niêm phong, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 (một) hộp sắt màu đen, 01 (một) cân điện tử;

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thu T 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng và bị cáo Nguyễn Trung N 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh tím;

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 23 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 333, Khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Lưu số án;
- Lưu hồ sơ (Hoà).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Mai Trần Cảnh